

通知

修改、補充越南國家銀行行長於 2020 年 3 月 13 日頒布的關於信貸組織，外國銀行分行重組債務償還期限，免減利息、費用及保留債務類別以協助受 Covid-19 疫情影響的客戶的規定的第 01/2020/TT-NHNN 號通知若干條例

根據 2010 年 6 月 16 日越南國家銀行法；

根據 2010 年 6 月 16 日各信貸組織法；2017 年 11 月 20 日各信貸組織法之若干條例修改、補充法；

根據政府 2017 年 02 月 17 日規定有關越南國家銀行職能、任務、權限及組織架構之第 16/2017/ND-CP 號議定；

與財政部達成共識後；

根據銀行總督察、監察人之建議；

越南國家銀行行長頒行修改、補充越南國家銀行行長於 2020 年 3 月 13 日頒布的關於信貸組織，外國銀行分行重組債務償還期限，免減利息、費用及保留債務類別以協助受 Covid-19 疫情影響的客戶的規定的第 01/2020/TT-NHNN 號通知（以下稱為第 01/2020/TT-NHNN 號通知）若干條例之通知。

第一條、修改、補充第 01/2020/TT-NHNN 號通知之若干條

一、修改、補充第 4 條如下：

“第 4 條、重組債務償還期限

信貸組織、外國銀行分行當完全滿足下列條件時，重組債務本金餘額及/或債務利息之還款期限（包括屬於政府 2015 年 6 月 9 日關於供農業、農村發展的信貸政策的第 55/2015/ND-CP 號議定（已獲修改、補充）適用範圍之各項債務）：

- 1、於 2021 年 8 月 1 日以前的，從貸款及融資租賃活動上的。
- 2、自 2020 年 1 月 23 日至 2022 年 6 月 30 日期間償還本金及/或利息之義務。
- 3、債務的本金餘額，當屬於以下各場合之一時，可重組還款期限：

- a) 自到期付款之日起，債務本金餘額期內或逾期 10（十）天，按照合約書或協議書所載期限償還債務，本款 b、c 及 d 點規定之場合除外；
 - b) 債務的本金餘額在 2020 年 1 月 23 日之前的，且自 2020 年 1 月 23 日至 2020 年 3 月 29 日期間逾期的；
 - c) 債務的本金餘額自 2020 年 1 月 23 日至 2020 年 6 月 10 日之前的，且在 2021 年 5 月 17 日前逾期的；
 - d) 債務的本金餘額自 2020 年 6 月 10 日至 2021 年 8 月 1 日之前的，且自 2021 年 7 月 17 日至 2021 年 9 月 7 日前逾期的。
- 4、被信貸組織或外國銀行分行評估為客戶因受 Covid-19 疫情影響，導致營業額、收入減少而沒有依照合約書或協議書按時償還本金及/或利息之能力。
 - 5、客戶申請重組還款期限，並且信貸組織、外國銀行分行評估客戶為具有根據重組後的還款期限全額償還本金及/或利息的能力。
 - 6、信貸組織、外國銀行分行對於違反法律規定的債務，不予重組償還期限。
 - 7、債務重組（包括債務延期）的時間以 Covid-19 疫情對客戶的影響程度為宜，自信貸組織、外國銀行分行重組還款期限之日起或自獲重組還款期限以後的每一筆債務餘額到期之日起不超出 12 個月。
 - 8、為客戶重組還款期限將執行至 2022 年 6 月 30 日止。”

二、修改、補充第 5 條如下：

“第 5 條、免減利息、費用

1、信貸組織、外國銀行分行對於在 2021 年 8 月 1 日前從授信活動（購買、投資企業債券的活動除外），償還本金及/或利息的義務在 2020 年 1 月 23 日至 2022 年 6 月 30 日期間到期還款的，然而客戶因受 Covid-19 疫情影響導致營業額、收入減少而沒有依照合約書、協議書按時償還本金及/或利息的能力的債務餘額，根據內部規定予以決定免減利息、費用。

2、按照本通知規定對客戶實行免減利息、費用的工作執行至 2022 年 6 月 30 日。”

三、修改、補充第 01/2020/TT-NHNN 號通知第 6 條 2 款（已獲越南國家銀行行長修改、補充第 01/2020/TT-NHNN 號通知若干條例的於 2021 年 4 月 2 日頒布的第 03/2021/TT-NHNN 號通知第 1 條第 4 款修改、補充）如下：

“2、信貸組織、外國銀行分行對於自 2020 年 1 月 23 日至 2021 年 8 月 1 日前的債務，可根據越南國家銀行關於信貸組織、外國銀行分行於經營中對於獲依本通知第 4 條及



第 5 條重組償還期限、免減利息的債務餘額進行債務分類的規定，保留已分類之債務類別如下：

- a) 對於本通知第 4 條 3 款 a 點規定之債務餘額，在首次重組還款期限日之前，保留於最近時間已分類之債務類別；
- b) 對於本通知第 4 條 3 款 c 點、d 點規定之債務餘額，在債務轉為逾期之日前，保留於最近時間已分類之債務類別；
- c) 對於本通知第 5 條規定之債務餘額，在首次免減利息日之前，保留於最近時間已分類之債務類別。”

第二條、取代第 01/2020/TT-NHNN 號通知之附錄

以隨附本通知頒行的附錄取代隨附第 01/2020/TT-NHNN 號通知頒行的附錄。

第三條、落實

辦公室首席，銀行總督察、監察人，越南國家銀行直轄單位、信貸組織、外國銀行分行首長負責落實本通知。

第四條、施行條款

- 1、本通知自 2021 年 9 月 07 日起生效。
- 2、本通知註銷越南國家銀行行長修改、補充第 01/2020/TT-NHNN 號通知若干條例的於 2021 年 4 月 02 日頒布的第 03/2021/TT-NHNN 號通知第 1 條第 2 款、第 3 款、第 6 款。

收件處：

- 如第 3 條；
- 政府總理 (用以報告)；
- 國家銀行領導班子；
- 財政部 (用以配合)；
- 司法部 (用以檢查)；
- 公報；
- 留檔：辦公室，法務，銀行督查、檢查

代行長簽
副行長
(已蓋章簽名)

段泰山

附錄

(附訂於 2021 年 9 月 7 日第 14/2021/TT-NHNN 號通知之附錄, 修改、補充 2020 年 3 月 13 日
第 01/2020/TT-NHNN 號通知之若干條)

信貸組織、外國銀行支行...

對於受 Covid-19 疫情影響客戶之紓困結果報告

報告期年 ...月

單位：十億越盾，客戶

次序	指標	受疫情影響之預期餘額	重組還債期限並保留債務組						免、減利息及保留債務組						在報告末期獲重組還債期限、免減利息客戶之本金債務總餘額	新貸款客戶			不轉成呆款組因獲保留債務組		具體預備金		依本通知第 6 款規定列入追蹤其他應收利息	
			累計			報告末期			累計			報告末期				累計新貸款營業額	新貸款餘額	在報告末期之客戶數量	不轉成呆款因已獲重組還債期限並保留債務組、免減利息客戶之末期債務總餘額	其中： 不轉成呆款因已獲重組還債期限、免減利息客戶之本金債務總餘額	在報告末期不轉成呆款組之客戶總數量	在報告末期需補充提撥之具體預備金總金額		其中： 已補充提撥之具體預備金
			獲重組還債期限之累計總價值		獲重組還債期限之累計客戶數量 (本金及/或利息)	獲重組還債期限之餘額		在報告末期獲重組還債期限之客戶數量 (本金及/或利息)	已獲免、減利息之累計債務總價值	已獲免、減利息之累計利息	已獲免、減利息之累計客戶數量	在報告末期獲免、減利息之債務總額	在報告末期獲免、減利息之客戶數量											
			債務本金	利息		債務本金	利息																	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	
I	按客戶分類																							
1	個人																							
2	企業																							
3	合作社，合作社聯盟																							
4	其它																							
II	按 21 個經濟行業分類																							
1	農業，林業和漁業																							
2	開礦																							
3	製造業和加工業																							
4	生產和分配電力、燃氣、熱水、蒸汽和空調																							
5	供水；管理和處理廢物、廢水																							
6	建築																							



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

- 信貸組織、外國銀行分行定期每月報告。對於第（22）、（23）、（24）欄之數據，信貸組織、外國銀行分行定期報告於3月、6月、9月、12月。
- 第（3）欄：受 Covid-19 疫情影響之預期餘額按照信貸組織、外國銀行分行之評估。
- 第（4）欄：在本通知第4條2款規定期間內從2020/3/13日起之債務義務累計總價值已獲重組還債期限並保留債務組（注意只報告在本通知第4條2款規定期間之債務本金，不是全部債務之餘額）。
- 第（5）欄：獲依本通知執行從2020/3/13日起獲重組還債期限之累計利息。
- 第（6）欄：從2020/3/13日起已獲重組還債期限（本金及/或利息）並依本通知執行保留債務組之累計客戶數量。
- 第（7）欄：在本通知第4條2款規定期間內債務義務已獲重組還債期限之本金餘額並保留債務組（注意只報告在本通知第4條2款規定期間之債務本金，不是全部債務之餘額；若已結束重組還債期限但客戶未付完獲重組債務，信貸組織報告在報告末期之重組債務實際餘額）。
- 第（8）欄：在報告末期獲重組還債期限之利息（注意若已結束重組期限但客戶未付完獲重組利息，信貸組織報告在報告末期之重組實際餘額）。
- 第（9）欄：已獲重組還債期限及保留債務組（本金及/或利息）在報告末期之客戶數量相應於第（7、8）欄之數據。
- 第（10）欄：從2020/3/13日起已獲依本通知執行適用免、減利息之累計債務總價值。
- 第（11）欄：從2020/3/13日起已獲依本通知免、減利息之累計利息。
- 第（12）欄：從2020/3/13日起已獲依本通知免、減利息之累計客戶數量。
- 第（13）欄：在報告末期獲免、減利息及保留債務組之債務餘額（注意若已結束免、減利息期限但客戶未付完獲免、減利息之債務，信貸組織報告在報告末期之獲免、減利息後之實際債務餘額）。
- 第（14）欄：在報告末期獲免、減利息及保留債務組之客戶數量相應於第（13）欄之數據。
- 第（15）欄：依本通知獲重組還債期限、免減利息客戶之本金債務總餘額。

- 第（16）欄：對於受 Covid-19 疫情影響客戶從 2020/3/13 日起已獲依本通知執行之累計貸款營業額（包括獲重組還債期限、免減利息後之新貸款客戶及屬於所有受 Covid-19 疫情影響行業、領域之其他客戶），其中包含統計各已登記各優惠信貸計劃、產品包之新貸款，報告國家銀行。
- 第（17）欄：對於受 Covid-19 疫情影響客戶在報告同期之新貸款餘額（相應於第 16 欄之數據）。
- 第（18）欄：受 Covid-19 疫情影響在報告同期之客戶數量（相應於第 16、17 欄之數據）。
- 第（19）欄：依本通知規定正獲分類於 1、2 組有已獲重組還債期限、免減利息客戶之本金債務總餘額但將要轉成 3、4、5 組若依國家銀行有關債務分類、提撥及使用預備金以在報告末期處理信貸組織、外國銀行分行活動風險之規定進行分類。
- 第（20）欄：依本通知規定獲重組還債期限、免減利息客戶之本金債務餘額獲統計於第 9 欄及第 14 欄正獲分類於 1、2 組但將要轉成 3、4、5 組若依國家銀行有關債務分類、提撥及使用預備金以在報告末期處理信貸組織、外國銀行分行活動風險之規定進行分類。
- 第（21）欄：在報告末期有獲統計於第 19 欄貸款餘額之客戶總數量。
- 第（22）欄：依本通知第 6a 條 3 款規定在報告末期有獲重組還債期限、免減利息及保留債務組之客戶必須補充提撥之具體預備金總金額。
- 第（23）欄：依本通知第 6a 條 4 款規定在報告末期有獲重組還債期限、免減利息及保留債務組之客戶已補充提撥之具體預備金總金額。
- 第（24）欄：跟進獲統計於第 9 欄各客戶之應收利息及第 14 欄對於依本通知第 6 條 5 款規定獲重組還債期限、免減利息之債務。
- 第二行依政府總理於 2018/7/06 第 27/2018/QĐ-TTg 號決定規定頒行越南經濟行業之 21 經濟行業數據報告。

~ 恒利翻譯, 謹供參考 ~

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2020/TT-NHNN NGÀY 13 THÁNG 3 NĂM 2020 CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ, MIỄN, GIẢM LÃI, PHÍ, GIỮ NGUYÊN NHÓM NỢ NHẪM HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG CHỊU ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2020/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung)) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính.
2. Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2022.
3. Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d Khoản này;

b) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 23/01/2020 và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 29/3/2020;

c) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/01/2020 đến trước ngày 10/6/2020 và quá hạn trước ngày 17/5/2021;

d) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 10/6/2020 đến trước ngày 01/8/2021 và quá hạn từ ngày 17/7/2021 đến trước ngày 07/9/2021.

4. Được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

5. Khách hàng có đề nghị được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại.

6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật.

7. Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) phù hợp với mức độ ảnh hưởng của dịch Covid -19 đối với khách hàng và không vượt quá 12 tháng kể từ ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

8. Việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng thực hiện đến ngày 30/6/2022.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Miễn, giảm lãi, phí

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2022 và khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid -19.

2. Việc thực hiện miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định tại Thông tư này thực hiện đến ngày 30/6/2022.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN) như sau:

“2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/01/2020 đến trước ngày 01/8/2021 như sau:

- a) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu đối với số dư nợ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này;
- b) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn đối với số dư nợ quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều 4 Thông tư này;
- c) Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện miễn, giảm lãi lần đầu đối với số dư nợ quy định tại Điều 5 Thông tư này.”

Điều 2. Thay thế Phụ lục của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN

Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 9 năm 2021.
2. Thông tư này bãi bỏ khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6.

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn

20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình																			
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế																			
III	Tổng cộng (= I + II)																			

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO:

- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo thông qua hệ thống báo cáo thống kê tập trung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm số liệu toàn hàng và số liệu từng chi nhánh tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo định kỳ hàng tháng. Riêng đối với số liệu tại cột (22), cột (23), cột (24), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo định kỳ tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12.
- Cột (3): Dư nợ dự kiến bị ảnh hưởng bởi dịch Covid -19 theo đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Cột (4): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 tổng giá trị nợ gốc phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (lưu ý chỉ báo cáo nợ gốc phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, không phải toàn bộ dư nợ của khoản nợ).
- Cột (5): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 số tiền lãi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện theo Thông tư này.
- Cột (6): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 số khách hàng đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ (gốc và/hoặc lãi) và giữ nguyên nhóm nợ được thực hiện theo Thông tư này.
- Cột (7): Số dư nợ gốc phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (lưu ý chỉ báo cáo nợ gốc phát sinh nghĩa vụ trả nợ trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều

4 Thông tư này, không phải toàn bộ dư nợ của khoản nợ; Trường hợp đã kết thúc thời hạn cơ cấu nhưng khách hàng chưa trả hết nợ được cơ cấu, TCTD báo cáo số dư nợ cơ cấu còn lại thực tế tại cuối kỳ báo cáo).

- Cột (8): Số tiền lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ tại cuối kỳ báo cáo. (Lưu ý trường hợp đã kết thúc thời hạn cơ cấu nhưng khách hàng chưa trả hết tiền lãi được cơ cấu, TCTD báo cáo số tiền lãi được cơ cấu còn lại thực tế tại cuối kỳ báo cáo).

- Cột (9): Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (gốc và/hoặc lãi) tại cuối kỳ báo cáo (tương ứng với số liệu tại cột 7, 8).

- Cột (10): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 tổng giá trị nợ đã được áp dụng miễn, giảm lãi được thực hiện theo Thông tư này.

- Cột (11): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 số tiền lãi mà khách hàng đã được miễn, giảm được thực hiện theo Thông tư này.

- Cột (12): Lũy kế từ ngày 13/3/2020 số khách hàng đã được miễn, giảm lãi được thực hiện theo Thông tư này.

- Cột (13): Dư nợ được miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ tại cuối kỳ báo cáo (Lưu ý trường hợp đã kết thúc thời hạn miễn, giảm lãi nhưng khách hàng chưa trả hết dư nợ được miễn, giảm lãi, TCTD báo cáo dư nợ đã được miễn, giảm lãi còn lại thực tế tại cuối kỳ báo cáo).

- Cột (14): Số khách hàng được miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ tại cuối kỳ báo cáo (tương ứng với số liệu tại cột 13).

- Cột (15): Tổng dư nợ gốc của khách hàng có số dư được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi theo Thông tư này (tương ứng với các khách hàng được thống kê tại cột 9 và cột 14).

- Cột (16): Lũy kế từ ngày 23/01/2020 doanh số cho vay mới đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 được thực hiện theo Thông tư này (bao gồm khách hàng vay mới sau khi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và các khách hàng khác thuộc tất cả các ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19), trong đó thống kê cả phần cho vay mới theo các chương trình, gói sản phẩm tín dụng ưu đãi đã đăng ký, báo cáo NHNN.

- Cột (17): Dư nợ cho vay mới đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 tại cuối kỳ báo cáo (tương ứng với cột 16).

- Cột (18): Số khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19 được vay mới còn dư nợ tại cuối kỳ báo cáo (tương ứng với cột 16, 17).

- Cột (19): Tổng dư nợ gốc của khách hàng có số dư nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này đang được phân loại ở nhóm 1, 2 nhưng sẽ phải chuyển sang nhóm 3, 4, 5 nếu thực hiện phân loại lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (20): Số dư nợ gốc được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này của khách hàng được thống kê tại cột 9 và cột 14 đang được phân loại ở nhóm 1, 2 nhưng sẽ phải chuyển sang nhóm 3, 4, 5 nếu thực hiện phân loại lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (21): Tổng số khách hàng có số dư nợ được thống kê tại cột 19 tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (22): Tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung của các khách hàng có số nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 6a Thông tư này tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (23): Tổng số tiền dự phòng cụ thể đã trích bổ sung của các khách hàng có số nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 6a Thông tư này tại cuối kỳ báo cáo.

- Cột (24): Số lãi phải thu theo dõi ngoại bảng của các khách hàng được thống kê tại cột 9 và cột 14 đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này.

- Dòng II báo cáo số liệu phân theo 21 ngành kinh tế theo quy định tại Quyết định 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.